

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QB Công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	1.005377.000.00.00.H42	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
2	1.013950.H42	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
3	1.004498.000.00.00.H42	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	751/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
4	1.003956.000.00.00.H42	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	751/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
5	1.004478.000.00.00.H42	Công bố mở cảng cá loại III	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
6	1.003347.000.00.00.H42	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	759/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
7	1.003471.000.00.00.H42	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	759/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
8	1.003434.000.00.00.H42	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	734/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

9	2.001621.000.00.00.H42	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	643/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
10	1.003440.000.00.00.H42	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	643/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
11	2.000181.000.00.00.H42	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	752/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
12	1.001699.000.00.00.H42	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	365/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
13	1.001653.000.00.00.H42	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	365/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
14	1.000715.000.00.00.H42	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	776/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
15	1.000288.000.00.00.H42	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	755/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
16	1.000713.000.00.00.H42	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	776/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
17	2.001842.000.00.00.H42	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	721/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
18	1.004552.000.00.00.H42	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	721/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

19	1.001639.000.00.00.H42	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
20	1.005099.000.00.00.H42	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	538/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
21	1.003702.000.00.00.H42	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	264/QDD-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
22	1.001714.000.00.00.H42	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	776/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
23	1.001612.000.00.00.H42	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	280/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
24	2.000720.000.00.00.H42	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	280/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
25	1.001570.000.00.00.H42	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	280/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
26	1.001266.000.00.00.H42	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	280/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
27	2.000575.000.00.00.H42	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	280/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
28	1.005280.000.00.00.H42	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

29	2.002123.000.00.00.H42	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
30	1.005277.000.00.00.H42	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
31	2.001973.000.00.00.H42	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
32	1.004982.000.00.00.H42	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
33	1.004979.000.00.00.H42	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
34	2.001958.000.00.00.H42	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
35	1.005010.000.00.00.H42	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
36	1.004901.000.00.00.H42	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
37	1.000280.000.00.00.H42	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	755/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
38	1.000691.000.00.00.H42	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	755/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

39	1.005007.000.00.00.H42	Thủ tục mua bán hóa đơn bán tài sản nhà nước và hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước	595/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
40	1.001257.000.00.00.H42	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
41	2.001157.000.00.00.H42	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
42	2.001396.000.00.00.H42	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
43	2.001218.000.00.00.H42	Công bố mờ, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
44	2.001217.000.00.00.H42	Đồng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
45	2.001215.000.00.00.H42	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
46	2.001212.000.00.00.H42	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
47	2.001211.000.00.00.H42	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

48	2.001214.000.00.00.H42	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
49	2.001921.000.00.00.H42	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cố định, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	470/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
50	1.004088.000.00.00.H42	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
51	1.004047.000.00.00.H42	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
52	1.004036.000.00.00.H42	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
53	2.001711.000.00.00.H42	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
54	1.004002.000.00.00.H42	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
55	1.003970.000.00.00.H42	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

56	1.003930.000.00.00.H42	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
57	1.003658.000.00.00.H42	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
58	1.000314.000.00.00.H42	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	470/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
59	2.001659.000.00.00.H42	Xóa đăng ký phương tiện	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
60	2.001263.000.00.00.H42	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
61	2.001255.000.00.00.H42	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
62	2.002165.000.00.00.H42	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	733/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
63	1.002662.000.00.00.H42	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	591/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
64	1.003141.000.00.00.H42	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	591/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
65	1.001776.000.00.00.H42	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	754/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

66	2.000286.000.00.00.H42	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	754/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
67	2.000282.000.00.00.H42	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	754/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
68	2.000477.000.00.00.H42	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	754/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
69	2.000355.000.00.00.H42	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	365/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
70	1.001193.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký khai sinh	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
71	2.001088.000.00.00.H42	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	32/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
72	2.000992.000.00.00.H42	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
73	2.001008.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
74	2.001035.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
75	2.001019.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực di chúc	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

76	2.001016.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
77	2.001406.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
78	2.000528.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
79	2.000806.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
80	1.001766.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
81	2.000779.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
82	1.001695.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
83	1.001669.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
84	2.000756.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
85	2.000748.000.00.00.H42	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

86	2.002189.000.00.00.H42	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
87	2.000554.000.00.00.H42	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
88	2.000547.000.00.00.H42	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
89	2.000522.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
90	1.000893.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
91	2.000513.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
92	2.000497.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
93	1.004884.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
94	1.000894.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký kết hôn	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
95	1.001022.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

96	1.000689.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
97	1.003583.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
98	1.000656.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký khai tử	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
99	1.000593.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
100	1.000419.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
101	1.004837.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký giám hộ	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
102	1.004845.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
103	1.004859.000.00.00.H42	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
104	1.004873.000.00.00.H42	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
105	1.004772.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

106	1.004746.000.00.00.H42	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
107	1.005461.000.00.00.H42	Đăng ký lại khai tử	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
108	2.000815.000.00.00.H42	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
109	2.000884.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
110	2.000908.000.00.00.H42	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
111	2.000942.000.00.00.H42	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
112	2.000927.000.00.00.H42	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
113	2.000913.000.00.00.H42	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
114	1.005378.000.00.00.H42	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
115	2.001384.000.00.00.H42	Phê duyệt phương án cấm mốc chi giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	725/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

116	1.000711.000.00.00.H42	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	776/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
117	1.004563.000.00.00.H42	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
118	1.005108.000.00.00.H42	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	583/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
119	2.001904.000.00.00.H42	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	583/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
120	1.001622.000.00.00.H42	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	242/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
121	1.004946.000.00.00.H42	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	592/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
122	1.004944.000.00.00.H42	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	592/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
123	2.001947.000.00.00.H42	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	592/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
124	1.004941.000.00.00.H42	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	592/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
125	2.001944.000.00.00.H42	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	592/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

126	2.001942.000.00.00.H42	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	592/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
127	2.001661.000.00.00.H42	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	365/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
128	1.001731.000.00.00.H42	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	365/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
129	2.000794.000.00.00.H42	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	188/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
130	1.004964.000.00.00.H42	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
131	1.006390.000.00.00.H42	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	721/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
132	1.006444.000.00.00.H42	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	721/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
133	1.006445.000.00.00.H42	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
134	1.007919.000.00.00.H42	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	760/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
135	1.003446.000.00.00.H42	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	643/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

136	1.003596.000.00.00.H42	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	581/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
137	1.008004.000.00.00.H42	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	478/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
138	1.006391.000.00.00.H42	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
139	2.000633.000.00.00.H42	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	725/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
140	2.000629.000.00.00.H42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	725/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
141	1.001279.000.00.00.H42	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	725/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
142	2.000620.000.00.00.H42	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	725/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
143	2.001240.000.00.00.H42	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	725/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
144	2.000615.000.00.00.H42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	497/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
145	2.000162.000.00.00.H42	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	752/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

146	2.000150.000.00.00.H42	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	752/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
147	2.002096.000.00.00.H42	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	752/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
148	2.001283.000.00.00.H42	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	725/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
149	2.001270.000.00.00.H42	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	725/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
150	2.001261.000.00.00.H42	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	725/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
151	2.000206.000.00.00.H42	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	725/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
152	1.003622.000.00.00.H42	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	249/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
153	2.001960.000.00.00.H42	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	755/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
154	2.002284.000.00.00.H42	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	755/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
155	2.001009.000.00.00.H42	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

156	2.002226.000.00.00.H42	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
157	2.002228.000.00.00.H42	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
158	1.008725.000.00.00.H42	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	721/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
159	1.008724.000.00.00.H42	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	721/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
160	2.000635.000.00.00.H42	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
161	1.008951.000.00.00.H42	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	242/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
162	1.008950.000.00.00.H42	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	242/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
163	2.002308.000.00.00.H42	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
164	2.002307.000.00.00.H42	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	351A/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
165	1.008455.000.00.00.H42	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	874/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

166	2.002363.000.00.00.H42	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
167	2.001023.000.00.00.H42	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	204/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
168	2.000986.000.00.00.H42	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	204/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
169	1.009444.000.00.00.H42	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
170	1.009447.000.00.00.H42	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
171	1.009453.000.00.00.H42	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	215.a/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
172	1.009454.000.00.00.H42	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
173	1.009455.000.00.00.H42	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
174	1.009452.000.00.00.H42	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
175	1.009465.000.00.00.H42	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	723/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

176	2.001627.000.00.00.H42	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	759/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
177	3.000182.000.00.00.H42	Tuyển sinh trung học cơ sở	120/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
178	1.005143.000.00.00.H42	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	583/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
179	1.002407.000.00.00.H42	Xét, cấp học bổng chính sách	242/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
180	1.005090.000.00.00.H42	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	776/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
181	1.010091.000.00.00.H42	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	759/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
182	1.010092.000.00.00.H42	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	759/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
183	1.010811.000.00.00.H42	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
184	1.010812.000.00.00.H42	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
185	1.010801.000.00.00.H42	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

186	1.010802.000.00.00.H42	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
187	1.010803.000.00.00.H42	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
188	1.010804.000.00.00.H42	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
189	1.010805.000.00.00.H42	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
190	1.010810.000.00.00.H42	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
191	1.010818.000.00.00.H42	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
192	1.010830.000.00.00.H42	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
193	1.010814.000.00.00.H42	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
194	1.010815.000.00.00.H42	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
195	1.010816.000.00.00.H42	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

196	1.010817.000.00.00.H42	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
197	1.010819.000.00.00.H42	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
198	1.010820.000.00.00.H42	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
199	1.010821.000.00.00.H42	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
200	1.010824.000.00.00.H42	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
201	1.010825.000.00.00.H42	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
202	1.010829.000.00.00.H42	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
203	1.010833.000.00.00.H42	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	427/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
204	1.010736.000.00.00.H42	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	478/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
205	2.002481.000.00.00.H42	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	776/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

206	2.002482.000.00.00.H42	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	242/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
207	2.002483.000.00.00.H42	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	242/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
208	1.010938.000.00.00.H42	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	539/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
209	1.010941.000.00.00.H42	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	539/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
210	1.010939.000.00.00.H42	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	539/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
211	1.010940.000.00.00.H42	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	539/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
212	1.011471.000.00.00.H42	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	200/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
213	1.001662.000.00.00.H42	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	753/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
214	1.011609.000.00.00.H42	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	478/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
215	1.011606.000.00.00.H42	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

216	1.011607.000.00.00.H42	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	478/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
217	1.011608.000.00.00.H42	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	478/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
218	2.002516.000.00.00.H42	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
219	1.004082.H42	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	442/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
220	1.012084.H42	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	1030/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
221	1.012085.H42	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	1030/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
222	1.012222.H42	Công nhận người có uy tín	763/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
223	1.012223.H42	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	763/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
224	3.000250.H42	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	760/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
225	1.012300.H42	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	257a/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

226	1.012299.H42	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	257a/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
227	1.012301.H42	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	257a/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
228	2.002620.H42	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	662/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
229	1.012531.H42	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	200/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
230	1.012538.H42	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	613/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Công an)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
231	1.012537.H42	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	613/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Công an)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
232	1.012568.H42	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	725/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
233	1.012569.H42	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	725/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
234	1.012585.H42	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	763/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
235	1.012592.H42	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	391/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

236	1.012591.H42	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	391/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
237	1.012590.H42	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	763/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
238	1.012584.H42	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	391/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
239	1.012582.H42	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	391/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
240	1.012694.H42	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	760/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
241	1.012695.H42	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	501/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
242	2.002635.H42	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
243	2.002636.H42	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
244	2.002637.H42	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	747/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
245	2.002639.H42	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	747/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

246	2.002640.H42	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	747/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
247	2.002641.H42	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	747/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
248	2.002642.H42	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	747/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
249	2.002643.H42	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
250	2.002644.H42	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
251	2.002645.H42	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
252	2.002646.H42	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
253	2.002648.H42	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
254	2.002638.H42	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	747/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
255	2.002649.H42	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

256	2.002650.H42	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
257	1.012796.H42	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
258	1.012818.H42	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	413/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
259	1.012817.H42	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
260	1.012812.H42	Hòa giải tranh chấp đất đai	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
261	1.012753.H42	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	751/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
262	1.012836.H42	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, gang tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
263	1.012837.H42	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
264	2.002668.H42	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

265	1.012888.H42	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	222121/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
266	1.012922.H42	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	200/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
267	1.012966.H42	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	721/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
268	1.012967.H42	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
269	3.000307.H42	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
270	3.000308.H42	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
271	3.000309.H42	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	721/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
272	1.012961.H42	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
273	1.012962.H42	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
274	1.012963.H42	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

275	1.012964.H42	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
276	1.012965.H42	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	721/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
277	1.012969.H42	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
278	1.012970.H42	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	721/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
279	1.012971.H42	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
280	1.012972.H42	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	721/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
281	1.012973.H42	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
282	1.012974.H42	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
283	1.012968.H42	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
284	1.012975.H42	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	721/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

285	1.012994.H42	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	985/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
286	1.012996.H42	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	985/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
287	1.012995.H42	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	985/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
288	1.013061.H42	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	222121/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
289	1.013040.H42	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	747/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
290	1.013229.H42	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
291	1.013226.H42	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
292	1.013225.H42	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

293	1.013232.H42	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
294	1.013227.H42	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
295	1.013228.H42	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
296	1.013274.H42	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	470/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
297	3.000327.H42	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	747/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
298	3.000326.H42	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	747/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
299	3.000323.H42	Đăng ký giám sát việc giám hộ	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
300	3.000322.H42	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
301	1.013313.H42	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

302	1.013314.H42	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	172/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
303	3.000410.H42	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	747/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
304	3.000412.H42	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	478/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
305	2.002770.H42	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	521/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
306	2.002771.H42	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	521/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
307	2.000950.H42	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	590/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
308	2.002080.H42	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	590/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
309	1.002211.H42	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	590/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
310	2.000930.H42	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	590/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
311	1.013685	Hỗ trợ duy trì hoạt động của đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương để phục vụ khách du lịch	665/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Dịch vụ du lịch khác (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

312	1.013686	Hỗ trợ tu bổ, sửa chữa nhà ở mang kiểu dáng kiến trúc truyền thống có tuổi đời từ 50 năm trở lên trong vùng lõi Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An	665/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Dịch vụ du lịch khác (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
313	1.013687	Hỗ trợ xây dựng mới nhà ở (theo khung mẫu thiết kế) trong vùng lõi di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới Quần thể danh thắng Tràng An	665/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Dịch vụ du lịch khác (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
314	1.013684	Hỗ trợ thành lập đội văn nghệ, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng tại các địa phương để phục vụ khách du lịch	665/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Dịch vụ du lịch khác (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
315	1.013683	Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo loại hình nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (gọi theo tiếng Anh là homestay)	665/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Dịch vụ du lịch khác (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
316	1.013794.H42	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	720/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
317	1.013791.H42	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	720/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
318	1.013792.H42	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	720/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
319	1.013793.H42	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	720/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
320	1.013795.H42	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	720/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
321	1.013749.H42	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Gionevo năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

322	1.013704.H42	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
323	1.013707.H42	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
324	1.013712.H42	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
325	1.013715.H42	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
326	1.013717.H42	Quỹ tự giải thể	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
327	1.013702.H42	Công nhận ban vận động thành lập hội	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
328	1.013708.H42	Hội tự giải thể	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
329	1.013713.H42	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
330	1.013714.H42	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
331	1.013750.H42	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

332	1.013703.H42	Thành lập hội	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
333	1.013706.H42	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
334	1.013709.H42	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
335	1.013710.H42	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
336	1.013711.H42	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
337	3.000441.H42	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
338	1.013949.H42	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
339	1.013953.H42	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

340	1.013962.H42	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
341	1.013965.H42	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
342	3.000442.H42	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
343	3.000443.H42	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
344	3.000440.H42	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
345	3.000439.H42	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
346	1.013952.H42	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

347	1.013967.H42	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
348	1.013978.H42	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
349	1.013979.H42	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	751/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
350	1.008603.H42	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	747/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
351	1.013768.H42	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	759/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
352	1.013798.H42	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	763/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
353	1.013797.H42	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	763/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
354	1.013796.H42	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	763/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
355	1.013822.H42	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	754/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
356	1.013821.H42	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	754/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

357	3.000468.H42	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	755/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
358	3.000467.H42	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	755/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
359	1.013724.H42	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
360	1.013725.H42	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	719/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
361	1.013716.H42	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	719/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
362	2.002349.H42	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
363	1.013734.H42	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	719/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
364	1.000080.H42	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
365	1.000110.H42	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
366	1.004827.H42	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	750/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

367	1.003005.H42	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	750/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
368	1.000094.H42	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	750/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
369	2.002396.H42	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	299/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
370	2.002409.H42	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	299/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
371	2.000424.H42	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	733/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
372	1.005040.H42	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	222121/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
373	1.014027.H42	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
374	1.014028.H42	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	197/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
375	1.014034.H42	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	280/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
376	1.014035.H42	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	280/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai

377	1.014111.H42	Thi tuyển công chức	240/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
378	1.014113.H42	Xét tuyển công chức	240/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
379	1.014116.H42	Tiếp nhận vào công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	240/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
380	3.000502.H42	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	251/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Xã	Công khai
381	1.012422.H42	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	798/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Thi đua, khen thưởng (Bộ Y tế)	UBND tỉnh Ninh Bình	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai